

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

QUYỂN 4

PHẨM 1: THÂU NHIẾP SỰ (Phần 4)

Đã nói như vậy. Nay sẽ nói về các công đức của quả, như
 Tụng
 ăng:

*Vô lượng các giải thoát,
 Thắng xứ và Biến xứ,
 Trí nguyện mâu vô tránh,
 Thần thông vô ngại giải.*

Luận chép: Vô lượng là bốn vô lượng, như trong kinh có nói
 tụng
 à:

1. Từ vô lượng là tâm từ đầy đủ. Nó không oán, không ghét, không
 gây tổn hại, rộng lớn vô lường. Khéo tu tập tận cùng, từ một
 phương diện, thứ lớp như vậy, cho đến vô biên tất cả thế giới ở mười
 phương thì ý hiểu biết đầy khắp, an trụ trong ấy.

Tâm từ cùng hiện hành đối với chúng sinh, tâm không thấy khổ,
 vui mà muốn bố thí niềm vui, tâm A-thế-da (ý lạc) cũng tương ứng theo.
 Không thù oán là đem tâm ấy đối trị với sự oán thù của kẻ khác khi ý
 định gia tăng nỗi khổ bằng cơn giận dữ. Không ghét là đối trị với oán
 ghét, là cơn giận gây trở ngại cho niềm vui. Không gây trở ngại là đối
 trị với não hại, khiến cho đối phương không nổi cơn giận. Rộng là để
 thấy được tác ý đã thực hành. Lớn là để ý, nghe và đã thực hiện. Vô
 lượng là để ý thực hành những gì mình hiểu biết. Khéo tu tập tận cùng
 là: Do tập quán tương ứng mà lìa bỏ các sự che lấp của phiền não. Từ
 một phương diện thứ lớp như vậy cho đến tất cả ở mười phương thế giới
 là duyên vào khí thể gian và hữu tình ở các nơi ấy, cuộc đời này. Ý hiểu
 là duyên vào cảnh giới tư duy và biết là do ý thức. Cùng hiện hành khắp
 là duyên vào cảnh giới vô gián hữu tình. An trụ đầy đủ đã có nói trong
 địa tính lực ở trước.

2. Bi vô lượng là tâm thương xót đầy đủ, cho đến nói rộng. Tâm bi

đầy đủ là đối với các loài đang khổ, muốn nhỏ gốc khổ ấy, làm với sự tương ứng của tâm A-thế-da. Không oán thù là đối trị với tâm não hại. Không ghét là để đối trị lại những việc gây trở ngại cho hành động cứu vượt khổ bị tổn hại. Không gây tổn hại là để đối trị não hại, nó không muốn cho các người an vui. Còn lại, như trước đã nêu.

3. Hỷ vô lượng: Là tâm vui mừng, cho đến nói rộng. Tâm vui mừng đầy đủ là vui theo niềm vui của chúng sinh, tâm vui ấy, tương ứng với tâm A-thế-da. Không oán là để đối trị lại tâm niệm gây ra đau khổ, không muốn kẻ khác có vui mừng. Không ghét là để đối trị tâm oán ghét, gây trở ngại cho niềm vui, là không muốn ai có sự vui mừng. Không gây tổn hại là để đối trị lại ý muốn không hợp, vì không vui mừng. Ngoài ra như trước đã nêu.

4. Xả vô lượng: Là tâm xả đầy đủ, cho đến nói rộng. Tâm xả đầy đủ là vì muốn tâm A-thế-da tương ứng không bị ô nhiễm. Không oán là để đối trị tâm oán, oán là bị mắc vào tham sân. Không ghét là để đối trị chướng ngại, trừ nhiễm tham sân. Không tổn hại là đối trị tâm điên đảo, bất nhiễm tham và sân. Còn lại, như trước đã nêu.

Thể tính của bốn vô lượng này ra sao? Nghĩa là thể của từ là gốc lành, không giận. Thể của bi là gốc lành không gây thật hại. Thể của hỷ là gốc lành không ganh ghét. Thể của xả là gốc lành không tham, không sân. Tất cả đều có mục đích thương xót chúng sinh. Trong bốn pháp ấy, từ là không nổi giận và hai pháp vô lượng kế đó là một phần của không giận. Xả là một phần không tham, một phần không giận. Và các tâm, tâm pháp, đẳng trì tương ứng với các pháp vô lượng kia và quyền thuộc của tâm, tâm pháp không tham, không giận đó là thể tính của bốn pháp vô lượng. Nên biết: Trước là do pháp hành tăng thượng và khéo tu tập tâm đối trị. Hơn nữa, nhờ nương vào tính lực mà được các pháp thanh tịnh ấy, nên biết.

Các giải thoát là: Có tám thứ giải thoát, như trong kinh có nói rộng:

1. Hữu sắc chư sắc quán giải thoát: Hữu sắc là nương vào định hữu sắc, tư duy phát sinh ý giải. Chư sắc là như các sắc trong chỗ vượt hơn, tự phân biệt rộng rãi. Quán là biến hóa một cách tự tại đối với các sắc. Vì ý hiểu, tư duy nên làm cho tướng của các sắc ấy hiển bày.

2. Nội vô sắc tưởng, ngoại chư sắc quán giải thoát. Trong không sắc tưởng, nương vào định vô sắc, tư duy sinh ý giải. Ngoại là trừ nhãn căn mà ý giải tư duy dứt trừ sắc. Chư sắc quán là như trước đã nêu.

3. Tịnh giải thoát: Lấy thân làm bằng chứng, an trụ đầy đủ. Giải

thoát tịnh là: Chăm chú một hướng vào tư duy ý giải, vì tư duy sắc thanh tịnh, mẫu nhiệm được an trụ trong cảnh an vui tăng thượng. Giải thoát là: giải thoát tâm trở ngại đối với công dụng của sắc tịnh và bất tịnh. Thân là ý thân. Làm bằng chứng là do trí cắt đứt hết phiền não làm bằng chứng. An trụ đầy đủ là như trước đã nêu. Các pháp giải thoát ở cõi Vô sắc, như trước đã phân biệt, trong ấy có sự khác nhau.

Vì muốn chứng được tất cả nghiệp tự tại của thân, vì muốn giải thoát tâm chướng ngại đối với sắc, nên trước lại phải xua tan sắc để mở đường cho ý giải tư duy về vô biên hư không. Gọi là vô biên hư không xứ giải thoát thứ tư. Vì muốn làm phát sinh các công đức Thánh thân thông vô tránh nguyện và trí biện vô ngại. Lại vì muốn chứng được tâm tự tại để có năng lực giúp đỡ cho các công đức kia sáng tỏ. Lại vì muốn giải thoát tâm chướng ngại ấy, nên còn phải mở đường đi tới vô biên thức ý giải tư duy, nên gọi là vô biên thức xứ giải thoát thứ năm.

Người tu hành lập phương tiện để làm cho công đức phát sinh Cũng thế là vì muốn phát khởi tĩnh lự thứ tư. Làm phát sinh công đức hiện tại là vì muốn chứng ngộ được an trụ tự tại vô lậu cao xa hơn hết. Lại vì muốn giải thoát tâm chướng ngại kia nên lại mở đường cho ý giải tư duy Vô sở hữu, gọi là Vô sở hữu xứ giải thoát thứ sáu, để chứng được an trụ tự tại hữu lậu cao nhất.

Lại vì muốn giải thoát tâm chướng ngại kia, nên lại mở đường cho ý giải tư duy Phi tưởng, Phi phi tưởng là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát thứ bảy.

Lại vì muốn chứng được an trụ ở tối thắng hơn hết về vắng lặng để thoát khỏi những chướng ngại ấy, nên lại từ Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát cho tâm tiến lên dứt trừ các ý nghĩ gọi là Tưởng thọ diệt giải thoát thứ tám.

Thắng xứ, như trong kinh có nói rộng, có tám thứ thắng xứ là:

1. Trong có sắc tưởng, ngoài quán ít các sắc, hoặc tốt xấu hơn kém, đối với các sắc tưởng cao quý ấy, nhờ thấy biết cao sâu nên được tư tưởng Cũng thế, nên gọi là thắng xứ đầu tiên.

Trong các sắc tưởng là như đã nói trong pháp giải thoát. Ngoài là trừ nhãn căn để làm rõ các sắc khác. Các sắc quán là như trước đã nêu. Ít là ý giải tư duy sắc thuộc về của cải tài vật. Hoặc tốt, xấu là ý giải tư duy sắc thuộc về thanh hương, vị, xúc, tịnh và bất tịnh. Hơn, kém là ý giải tư duy sắc thuộc về thanh hương, vị, xúc, tịnh và bất tịnh. Đối với các sắc tưởng cao quý là tác ý tư duy về năng đối trị, sở đối trị, là công dụng chướng ngại không gây tổn hại. Biết: là công dụng của đạo Xa-ma-tha, kiến là

công dụng của đạo Tỳ-bát-xá-na. Được tư tưởng Cũng thế nghĩa là đối với thắng nghĩa chân thật, được ý tưởng thắng nghĩa chân thật, không có ngạo mạn trong ấy. Còn đối với cái Không thắng nghĩa cũng chứng được cái Không thắng nghĩa, không có kiêu ngạo.

2. Trong có sắc tướng, ngoài quán nhiều các sắc, cho đến gọi là thắng xứ thứ hai. Hai thứ quán tướng nhiều hay ít đối với nội vô sắc tướng cũng như vậy. Trong có sắc tướng, ngoài các sắc quán như trước đã nêu. Nhiều là: tư duy khắp các sắc làm nổi rõ lên đã nói trong khí thế gian hữu tình thế gian. Các sắc khác như ở trước đã nói. Bên trong không có năm sắc tướng, bên ngoài là các sắc bị quán tướng là xanh, thì xanh sáng tỏ, thấy được. Xanh như bông Ô-mạc-ca xanh rực rỡ, hay như áo Bà-la-ni tử được nhuộm màu xanh. Cũng thế các màu vàng, đỏ, trắng đều nên nói rộng, trong đó có khác nhau là màu vàng như hoa Yết-ni-ca-la, hay như Bà-la-ni-tử được nhuộm. Áo màu vàng, áo màu đỏ thì như hoa Bàn-đậu thời Phược-ca, hay như áo màu đỏ Bà-la-ni-tử được nhuộm. Màu trắng thì như hoa Ô-xa-na hay như màu trắng tươi Bà-la-ni-tử. Xanh là câu chung. Xanh sáng tỏ là xanh vốn có. Nói màu xanh có thể thấy thì có nghĩa là nó xanh do hòa hợp mà thành xanh. Xanh sáng là do hai màu trắng, xanh làm cho xanh tươi trong sạch rực rỡ. Các màu xanh vàng đỏ trắng cũng giống Cũng thế, nói rộng nên biết, còn lại, như trước đã nêu. Đối với một xứ với hai thí dụ thì đây là nói hai thứ là màu vốn có và màu hòa hợp mà có. Tám xứ cao quý trên đây làm chỗ nương cho công phu tu tập ba thứ duyên theo sắc giải thoát. Bốn xứ cao quý sau thuộc ý giải tư duy. Sắc của các tầng trời cõi Dục và sắc của cõi Sắc cũng giống như vậy. Lại nữa, nên biết: các xứ cao quý này là pháp đối trị hạt giống của các địa bên dưới. Theo dõi tác ý tư duy thì nó không nhằm đối trị mà là từ các cõi được đối trị khởi lên tác ý tư duy. Biến xứ là mười biến xứ, như trong kinh có nói rộng là địa biến xứ. Một khi biết rõ trên, dưới, bên cạnh, không hai, vô lượng nước, lửa, gió như vậy cùng khắp, màu xanh vàng đỏ trắng, hư không, thức là cùng khắp trên dưới, hai bên không hai, vô lượng.

Địa biến xứ là do làm chỗ nương cho sắc biến khắp nên nó lại nương vào sắc mà cùng khắp, do nó thêm lớn. Một khi biết rõ, là có thể chứng ngộ được quán Bồ-đặc-già-la này. Trên dưới và bên cạnh, là tràn ngập bốn phương và bốn góc. Không hai là lìa các cõi khác và không lìa sắc sáng tỏ cùng khắp. Vô lượng là không có hình tướng giới hạn vì nó cùng khắp, như địa biến xứ, ngoài ra như nước lửa gió, xanh vàng đỏ trắng cũng giống như vậy, như các sắc thích ứng. Hư không biến xứ

là vì đối trị sắc tướng nên tác ý tư duy cùng khắp, còn lại, như trước đã nêu.

Thức Vô biên xứ là duyên vào vô lượng thức nên tác ý tư duy cũng đầy khắp, còn lại như trước đã nêu.

Trong Thức biến xứ này, nhờ ba pháp giải thoát, nên được sắc tốt đẹp, tự tại, khi được sắc này mới có thể nói sắc tốt đẹp thành tựu tự tại cùng cực.

Thức xứ ở các cõi trên không cùng khắp vì nơi duyên của nó vô lượng hình tướng đứt đoạn, nương vào phân biệt xa lìa. Nên biết: Thắng xứ và biến xứ của nó đều là các pháp giải thoát, có khả năng là đạo thanh tịnh, vì các thắng xứ là chỗ duyên tốt. Và do các biến xứ là chỗ duyên cùng khắp nên có thể giúp cho giải thoát thanh tịnh nên biết.

Vô tránh là: Giữ gìn tính chất trí kiến không si mê để dẫn dắt các phiền não khác và tính vô si ấy tương ứng với tâm, tâm pháp, vì tâm ấy đã thực hành rất nhiều.

Nguyện trí mẫu nhiệm là trí kiến không si mê dẫn đến nhận biết rõ như thật, không còn sót, trong các pháp đã biết ở ba đời, và phi thế tục. Nguyện trí ấy tương ứng với các tâm, tâm sở vắng lặng, vì tâm ấy thường thực hành.

- Vô ngại giải là: Bốn pháp vô ngại giải như kinh có nói rộng là:

1. Pháp vô ngại giải: Là tính chất trí kiến không si mê đã dẫn dắt đến giác ngộ như thật đối với tất cả hạt giống trong tất cả pháp có tên gọi khác nhau. Vô ngại giải ấy đã tương ứng với tâm, tâm pháp đẳng trì.

2. Nghĩa vô ngại giải: Là tính chất trí kiến không si mê đã dẫn dắt đến giác ngộ như thật đối với tất cả các thứ, các pháp với các thứ tướng. Còn lại, như trước đã nêu.

3. Huấn từ vô ngại giải: Là trí kiến không si mê đã dẫn dắt đến giác ngộ như thật đối với tất cả các thứ, các pháp đã giải thích dạy dỗ. Còn lại, như trước đã nêu.

4. Biện tài vô ngại giải: Là trí kiến không si mê đã dẫn dắt đến giác ngộ như thật đối với tất cả các thứ, các pháp đều thông đạt. Trí vô si đó tương ứng với tâm, tâm pháp, đẳng trì vì tâm lý ấy đã thường thực hành.

Thần thông là sáu pháp thần thông trong kinh có nói rộng là:

1. Thần cảnh trí kiến tác chứng thông là: Tính chất trí kiến không si mê, thị hiện tất cả các thứ lớp tại của thân nghiệp. Trí vô si đó tương ứng với các pháp tâm, tâm sở. Do công hạnh ấy nên đã thực hành nhiều

cảnh giới quyết định.

2. Thiên nhĩ trí kiến tác chứng thông là: Tính chất trí kiến không si mê đã nghe được tất cả thứ của nghiệp ngữ. Còn lại, như trước đã nêu.

3. Tâm sai khác trí kiến tác chứng thông là: Tính chất trí kiến không si mê thấy biết được tất cả các hành động của tâm kẻ khác. Còn lại, như trước đã nêu.

4. Túc trụ tùy niệm trí kiến tác chứng thông là: Tính chất trí kiến không si mê, đã thâm nhập vào tất cả việc làm ở đời trước. Còn lại như trước đã nêu.

5. Tử sinh trí kiến tác chứng thông là: Tính chất trí kiến không si mê đã thâm nhập vào các việc làm của tất cả hữu tình, còn lại như trước đã nêu.

6. Lộ tận trí kiến tác chứng thông là: Tính chất trí kiến không si mê đã đưa mình ra khỏi tất cả phiền não, không còn sót, và lộ tận trí ấy tương ứng với tâm, tâm sở, đẳng trì. Do hạnh đó mà thực hành nhiều cảnh giới quyết định. Lại nữa, tụng rằng:

*Các tướng tốt thanh tịnh,
Và các lực vô úy,
Không hộ và niệm trụ,
Dứt hẳn các tập khí.*

Luận chép: Các tướng là ba mươi hai tướng đại tướng phu, như trong kinh nói. Một việc khéo an lập đầy đủ tướng đại tướng phu chính do Như lai với tư lương Bồ-đề tròn đầy hoàn hảo và thọ trì hạnh bình đẳng một cách đầy đủ, nên Như lai đã cảm thọ được tướng ấy. Do tướng tốt ấy, nên có người vừa thấy thì liền tin tưởng Đức Như lai là tướng tướng phu với đầy đủ tướng, đầy đủ hình dáng, đầy đủ nét tiêu biểu nhất, như nó được khéo an lập đầy đủ. Cũng thế, các tướng tướng phu khác cũng có những thích ứng cũng thế hoàn toàn, nên biết. Như trong tay nên nói tướng tay, cái tiêu biểu về hình mạo của tay, như vậy cho đến đối với đỉnh đầu v.v... và các chi tiết khác, đều theo tên gọi tướng ứng, sẽ nói rộng.

Tốt là tám mươi vẻ đẹp, như trong kinh có nói rộng.

Như trong địa Bồ-tát nói, nếu thuộc về tướng đầy đủ thì các tốt gọi là tốt. Còn như trong kinh Đại Tuệ Độ nói: Nếu theo sự ưa thích của chúng sinh thì chúng thuộc về tướng cao quý. Hoặc chia chẻ rộng ra các tướng tốt này, cũng nên biết.

Thanh tịnh là như kinh nói: bốn tướng tất cả thanh tịnh.

1. Y chỉ thanh tịnh: Là tất cả tướng thanh tịnh Đoạn và tất cả tướng

thanh tịnh Trí do Đức Như lai chứng được. Nó tự tại rốt ráo cùng Vô thượng với việc nường, nắm lấy hay buông xả.

2. Cảnh giới thanh tịnh: Là Tất cả tướng thanh tịnh Đoạn tất cả tướng thanh tịnh Trí do Đức Như lai chứng được. Nó tự tại rốt ráo Vô thượng với việc biến hóa cảnh giới.

3. Tâm thanh tịnh: Là tất cả tướng thanh tịnh Đoạn và tất cả tướng thanh tịnh Trí do Đức Như lai chứng được. Nó tự tại rốt ráo Vô thượng với tất cả tướng thế gian, xuất thế gian, các gốc lành được tăng trưởng trong tâm.

4. Trí thanh tịnh: Tất cả tướng thanh tịnh Đoạn và tất cả tướng thanh tịnh Trí do Đức Như lai chứng được. Nó tự tại rốt ráo Vô thượng với tất cả tướng đã được biết về trí không chấp mắc, không ngăn ngại.

Các lực: Là như trong kinh có nói rộng, Như lai có mười lực là:

1. Xứ phi xứ trí lực: Là trong tất cả tướng nhân quả có thể như thật hỏi, trả lời với trí tính vô ngại, và trí lực ấy tương ứng với các tâm tâm pháp, đẳng trì.

2. Tự nghiệp trí lực: Là đối với tất cả tướng, đều có chỗ riêng, nối tiếp nhau, phát sinh nghiệp lực và đã được trí tính vô ngại trong quả báo. Còn lại, như trước đã nêu.

3. Tinh lự giải thoát Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-để trí lực: Là trí tính vô ngại đã nhiếp tất cả phương tiện công đức thanh tịnh ở thế gian. Còn lại, như trước đã nêu.

4. Căn thượng, hạ trí lực: Là trí tính vô ngại giáo hóa hữu tình với căn tính khác nhau, làm chỗ nường cho tất cả tướng công đức xuất thế gian. Còn lại, như trước đã nêu.

5. Chủng chủng thắng giải trí lực: Là trí tính vô ngại giáo hóa hữu tình với A-thế-da khác nhau, với tất cả tướng. Còn lại, như trước đã nêu.

6. Chủng chủng giới trí lực: Là trí tính vô ngại giáo hóa tất cả hữu tình với tùy miên khác nhau. Còn lại, như trước đã nêu.

7. Biến thú hành trí lực: Là trí tính vô ngại đã đưa tất cả tướng thừa khác nhau xuất ly. Còn lại, như trước đã nêu.

8. Túc trụ tùy niệm trí lực: Là trí tính vô ngại đã đi tới tất cả tướng đời trước với các đường khác nhau. Còn lại, như trước đã nêu.

9. Tử sinh trí lực là trí tính vô ngại đã đi tới tất cả tướng đời sau với các đường khác nhau. Còn lại, như trước đã nêu.

10. Lộ tận trí lực: Là trí tính vô ngại đã nêu phương tiện xuất ly khác nhau đối với tất cả và chẳng phải đường. Trí đó tương ứng với tâm,

tâm sở, đẳng trì.

Và trong các trí lực ấy, có thể hỏi và ghi nhớ như thật.

Vô úy: Là bốn pháp không sợ hãi, như trong kinh có nói rộng.

1. Đức Phật nói lời thành thật rằng: Ta là chánh đẳng giác. Nhưng nếu có ai bắt bẻ rằng: Trong giáo pháp này, ông không phải là Chánh Đẳng Giác. Trả lời cho câu hỏi ấy, sẽ dùng chánh kiến không ngại, thế nên ta không sợ hãi. Nghĩa là Như lai đã chứng được Nhất thiết chủng trí thanh tịnh mâu nhiệm.

2. Phật nói lời thành thật rằng: Ta đã dứt hết các lậu. Nếu ai bảo ta chưa dứt hết các lậu, Cũng thế ta sẽ dùng chánh kiến vô duyên để đáp lời họ, nên ta không sợ hãi, đó là Như lai đã chứng được Nhất thiết chủng đạo thanh tịnh mâu nhiệm.

Hai vô úy này dựa vào đức tự lợi.

3. Đức Phật nói lời thành thật: Ta nói cho các đệ tử biết về pháp chướng ngại, nhiệm ấy là chướng. Nếu ai bảo nhiệm tập không phải chướng, ta sẽ dùng chánh kiến vô duyên để đáp cho họ, nên không sợ hãi, là y theo Như lai giảng nói tất cả pháp đối trị để giáo hóa hữu tình.

4. Phật nói lời thành thật rằng: Ta vì đệ tử nói con đường ra khỏi sinh tử, tu định ra khỏi sinh tử. Nếu ai bảo dù tu đạo này, vẫn không thể ra khỏi, không thể làm hết khổ, không tới được bờ mé sau cùng của khổ, ta sẽ dùng chánh kiến vô duyên mà trả lời họ. Cho nên không sợ hãi, là y theo Như lai nói tất cả pháp đối trị để giáo hóa hữu tình.

Hai pháp vô úy sau là đều nương vào đức lợi tha.

Không giữ gìn: Là như trong kinh có nói rộng, có ba pháp không giữ gìn. Hiện hành thân nghiệp của Như lai là mâu nhiệm thanh tịnh, chẳng phải không thanh tịnh. Hiện hành thân nghiệp có thể phải che giấu, nên không giữ gìn, nghĩa là thân nghiệp của Như lai thanh tịnh mâu nhiệm ở các chủng loại, ở các thời gian. Cho nên khi nói pháp giáo hóa hữu tình, Như lai có thể dùng thắng lực mà hàng phục, thâm nhiếp để thâm nhiếp tất cả đồ chúng. Như thân nghiệp không phải giữ gìn, thì ngữ nghiệp, ý nghiệp không cần giữ gìn, nên biết.

Niệm trụ là ba niệm trụ, như trong kinh có nói rộng.

Niệm trụ đây là khi nhiếp thọ đồ chúng được giáo hóa, đối với các hành vi khác nhau của ba hạng đồ chúng, Phật an trụ trong ý niệm buông xả cao nhất, không còn tâm thương, ghét giận, là tâm tính bất nhiễm. Dứt trừ hẳn các tập khí là các Đức Như lai đã lìa sinh tử, từ vô tử vô lượng, vô số đại kiếp rồi, vì đã chứng tự tánh, nên không còn bị

trôi giạt trong vòng luân hồi, vì đã chứng đắc trí đoạn mầu nhiệm thanh tịnh của Như lai.

Lại nữa, tụng rằng:

*Không quên mất pháp mầu
Và Như lai đại bi,
Đức bất cộng của Phật,
Tất cả chủng trí diêu.*

Luận chép: Không quên mất pháp mầu là đã chứng được tất cả chủng loại, tất cả hữu tình đã được giáo hóa, tất cả việc cần làm đều không lãng phí thời gian vì chứng được trí Đoạn mầu nhiệm thanh tịnh của Như lai.

Như lai đại bi: Là Như lai thương xót chúng sinh bằng bốn thứ nhân duyên, nên gọi là đại bi.

1. Nướng vào nhất thiết chủng thanh tịnh mầu nhiệm, và đã thành tựu chuyển y cần làm.

2. Trong thời gian dài tu tập mà chứng được.

3. Được trí thanh tịnh mầu nhiệm dẫn dắt tu tập.

4. Duyên theo cảnh giới của tất cả tướng khổ một cách sâu xa vững chắc.

Pháp bất cộng của đức Phật: Là như trong kinh nói, có mười tám pháp bất cộng của Phật, vì nó vượt qua tất cả Thanh văn và Độc giác. Mười tám pháp bất cộng của Phật là:

1. Như lai không có hành động nào lầm lẫn, nghĩa là không, chẳng hiềm ô, nhầm lẫn sai phạm.

2. Không có lối nói vọng vãng, thô tháo: Nghĩa là không, chẳng có nhiễm ô cười nói thô tháo.

3. Không quên mất chánh niệm: Nghĩa là không, chẳng có nhiễm ô đối với việc làm, nói lâu dài vẫn không chạy theo niệm tưởng quấy.

4. Tâm thường yên định: Đối với các oai nghi đi đứng đều giữ ý trong định, thường tùy chuyển.

5. Không có các tướng: Nghĩa là ngay trong trôi lăn vẫn lẳng lặng chứng được trí không phân biệt, không sai khác.

6. Không lựa chọn rồi buông xả: Nghĩa là rốt ráo không buông xả việc cứu độ hữu tình.

7. Dục không lui bước: Nghĩa là làm sạch hết chướng sở tri, như ham muốn đó không lui sụt Cũng thế.

8. Chánh cần không lui sụt.

9. Chánh niệm không lui sụt.

10. Chánh định không lui sụt.
11. Tuệ không lui sụt.
12. Giải thoát, giải thoát tri kiến không lui bước.
13. Trí vô ngại, không vướng mắc đối với đời quá khứ: Là vừa tác ý là biết tất cả đúng như việc đã xảy ra ở quá khứ như vậy.
14. Đối với chuyện ở vị lai cũng biết.
15. Đối với hiện tại thì, trí vô ngại không chấp trước nên biết như vậy.
16. Tất cả thân nghiệp của Như lai đều do trí tuệ dẫn đầu và luôn làm theo trí tuệ, nghĩa là do trí tuệ phát sinh, thọ nhận các phương tiện tốt trong các thời gian. Như thân nghiệp cũng thế.
17. Ngữ nghiệp.
18. Ý nghiệp, nên biết cũng vậy.

Tất cả chủng diệu trí: Là chứng được trí Đoạn thanh tịnh tột cùng của Như lai, là đối với hai pháp nhiệm, tịnh, với những tướng khác nhau của chúng, trí tính vô ngại, nó tương ứng với các tâm, tâm pháp, đẳng trì.

Lại nữa, Như lai an trụ trong cảnh giới vô lậu, làm tất cả công việc cho loài hữu tình nên trong đời Phật, Như lai đã hiện thân nói pháp ở mười phương cõi nước, những gì tâm đã làm, đã giảng nói pháp, thành Đẳng Chánh Giác, xoay bánh xe pháp mầu nhiệm, nhập trí tính vắng lặng vô ngại, và trí tính ấy tương ứng với tâm, tâm pháp, định. Đó cũng gọi là Nhất thiết chủng diệu trí.

Lại nữa, tướng tốt và công đức của Phật thì kinh đã giải thích, ý nghĩa đã lược chỉ bày. Nếu phân tích rộng như địa Bồ-tát, nên biết đã nói riêng cũng thế. Chín việc phân biệt chung, nay sẽ nói, tụng rằng:

*Phải biết chín việc trước,
Đầu là, hai chỗ nương.
Kế hai, sau, sáu thứ,
Thuộc tạp nhiệm, thanh tịnh,
Nhiệm nương vì khác nhau,
Là chỗ duyên thanh tịnh,
Vì tâm không lưu tán,
Vì phương tiện chính tu.
Vì ngôi vị khác nhau,
Vì việc phải mở lời
Vì công đức, quả vị,
Số thứ lớp chỉ vậy.*

Luận chép: Trong chín việc trước, tất cả việc đầu, là hai pháp nương: Một là nương vào tạp nhiễm, hai là nương vào thanh tịnh. Các pháp tạp nhiễm thuộc về hai việc kể sau: một là do công việc của cảnh giới, hai là do việc tạp nhiễm. Sáu việc sau thuộc về thanh tịnh.

1. Do việc chân đế.
2. Do việc nương.
3. Do việc phần giác.
4. Do việc chúng sinh.
5. Do việc quả báo.
6. Do việc công đức.

Do việc nương tạp nhiễm trong tạp nhiễm, thuộc về hai việc, vì tạp nhiễm khác nhau. Do cảnh giới thanh tịnh trong thanh tịnh, thuộc về sáu thứ công việc, vì đối với cảnh giới, tâm không phân tán. Do tâm không phân tán nên sử dụng phương tiện chân chính đối với sở duyên.

Phương tiện chân chính là vị trí khác nhau và nhân của lời nói.

Kết quả của phương tiện chân chính và công đức của nó, trong đó có vị trí khác nhau và nhân của lời nói. Lập ra hai việc này là việc của chúng sinh, nên biết.

Vì có nhân của lời nói nên nói dễ dàng, vì là thuận theo thế gian, mục đích làm cho chúng sinh hết sợ hãi, khiến họ tin tưởng, biết công đức cũng như lỗi xấu của mình, mà mình và người đều thành tựu. Bởi chín công việc đó mới có quyết định và quyết định theo thứ lớp, nên biết là muốn so lường. Chín việc cũng thế, nên được nói rộng ra.

Tụng rằng:

*Muốn nghĩ ngợi vô lượng
Các hỏi đáp khác nhau,
Do lời nói Chư Phật,
Thuộc về sự và tướng.*

Luận chép: Chín việc như trên, phải suy nghĩ với vô lượng hỏi đáp khác nhau. Vì hai việc thuộc về nên có thể suy lường. Việc thứ nhất gom vào tất cả lời Phật nói, việc thứ hai thuộc về tướng tất cả lời Phật nói. Trong ấy, việc thứ nhất thuộc về tất cả lời Phật nói, là do ba thứ kinh, nên biết. Một là do tăng mười kinh, hai là do kinh nói nghĩa rộng, ba là kinh tập hợp những điều lạ. Thuộc về tướng tất cả lời Phật nói là do bốn thứ Ôn-đà-nam-già-tha. Là bốn thứ nào?

Tụng rằng:

*Câu mê lâm, hý luận
Trụ chân thật tịnh mẫu,*

*Đạo lý, tính vắng lặng,
Giả lập bày, hiện quán,
Phương sở vị, phân biệt,
Tạo nắm giữ, thêm, bớt,
Thâm nói trên chỗ giác,
Xa lìa chuyển thân nhiếp,
Chọn lựa và hiện hành,
Thùy miên và quyến thuộc
Các tướng nhiếp tương ưng.
Nói nhậm trì thứ lớp,
Du-già cảnh làm ra,
Xa-ma-tha và quán
Các tác ý dạy trao
Đức Bồ-đề Thánh giáo.*

Luận chép: Cú là chỉ sáu xứ với vô lượng cảnh giới, nơi chốn, thời gian. Ba cõi là: cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Cõi lại có ba: Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới và Đại thiên thế giới. Lại có bốn chúng là: Tại gia, xuất gia, Ô-ba-sách-ca, phi nhân.

Lại có ba cảm thọ là: khổ, vui, không khổ, không vui. Lại có ba đời là: quá khứ, hiện tại, vị lai. Lại có tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Lại có ba pháp là: thiện, bất thiện, vô ký. Lại có ba thứ tạp nhiễm là: phiền não, tạp nhiễm và nghiệp tạp nhiễm, đời sống tạp nhiễm. Lại có bốn Thánh đế là: khổ, tập, diệt, đạo. Lại có chín định thứ lớp là: Sơ tĩnh lự cho đến định Diệt thọ tưởng. Lại có ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần là: niệm trụ, chánh cần, thân tức, căn lực, giác chi, đạo chi. Lại có bốn thứ quả Sa-môn là: quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất Hoàn, quả A-la-hán tối thắng. Lại có nhiều công đức tối thắng là vô lượng giải thoát, thắng xứ, biến xứ, nguyện trí vô tránh, vô ngại biện, sáu thần thông. Lại theo năm pháp rộng có: tướng, danh, phân biệt, chân như, chánh trí. Lại có hai thứ tính vô ngã là: chúng sinh tính không và pháp tính không. Lại có hành động xa lìa hai bên là: Xa lìa bên tăng ích và xa lìa bên tổn giảm. Lại có bốn thứ chân thật: Một: là thế gian đã thành lập; Hai: là đạo lý đã thành lập; Ba: là nơi hoạt động của chướng phiền não và của tịnh trí; Bốn: là nơi hoạt động của chướng sở tri và của tịnh trí.

Lại có bốn thứ tâm tứ là danh tâm tứ, sự tâm tứ, tự tánh giả lập tâm tứ, sai khác giả lập tâm tứ.

Lại có bốn thứ trí như thật biến là: Trí như thật biến được dẫn với danh tâm tứ, trí như thật biến được dẫn bởi sự tâm tứ, trí như thật biến

được dẫn bởi tự tánh giả lập tâm tứ. Trí Như thật biến được dẫn bởi sai khác giả lập tâm tứ.

Lại có ba thứ lớp tánh là: Biến kế sở chấp tự tánh, y tha khởi tự tánh và viên thành thật tự tánh.

Lại có ba thứ tánh vô tự tính là: tính tướng vô tự tính, tính sinh vô tự tính và tính thắng nghĩa vô tự tính.

Lại có năm tướng đại Bồ-đề là: Do tự tánh, do cộng dụng, do phương tiện do chuyển và do hoàn. Lại có năm thứ Đại thừa là: Một là hạt giống; hai là hưởng nhập; ba là thứ lớp; bốn là chánh chuyển; năm là chánh chuyển quá. Nghĩa là mới phát tâm phải khởi tâm thương xót lớn đối với tất cả hữu tình, do Ba-la-mật, do thâm nhiếp sự, do thành thực nối tiếp ở mình và người. Lại có năm thứ vô lượng tướng: Một là vô lượng tướng hữu tình giới; hai là vô lượng tướng thế giới; ba là vô lượng tướng pháp giới; bốn là vô lượng tướng cảnh giới được điều phục và năm là vô lượng tướng phương tiện giới được điều phục.

Lại có tùy ý đạt đến nghĩa chân thật, nghĩa là đối với tất cả pháp vô lượng, qua đó trí này đạt tới chân như. Lại có oai đức, tín hiệu không thể nghĩ bàn. Lại có trí không bị chướng ngại ngăn che. Lại có ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Lại có bốn thứ tất cả tướng thanh tịnh.

Mười lực, bốn pháp không sợ hãi, ba niệm trụ, ba thứ không phòng hộ, đại bi, pháp không quên mất, dứt trừ hẳn tập khí, Nhất thiết chủng diệu trí, như đã nói trên, lược chỉ có hai thứ là:

1. Câu giải thích trong Thanh văn thừa.
2. Câu giải thích trong Đại thừa.

Mê hoặc là bốn thứ trái ngược là:

1. Đối với pháp vô thường mà chấp là thường.
2. Đối với cảnh đau khổ mà chấp là vui.
3. Đối với pháp bất tịnh mà chấp là tịnh.
4. Đối với pháp vô ngã mà chấp là có ngã.

Hý luận là các phiền não và phiền não tạp nhiễm. Các uẩn trụ là bốn thức trụ và bảy thức trụ.

Chân thật là chân như và bốn Thánh đế.

Tịnh là ba tánh thanh tịnh: Một là tánh tự thể thanh tịnh, hai là tánh cảnh giới thanh tịnh và ba là tánh giai vị thanh tịnh.

Diệu là lập ra Tam bảo nơi thắng xứ, nên gọi là Diệu.

Vắng lặng là từ lúc thực hiện pháp lành cho đến tất cả phần pháp Bồ-đề và quả sở chứng, đều gọi là vắng lặng.

Tánh là các pháp tướng là cộng tướng hay tự tướng, hay tướng giả lập, hay nhân tướng, hay quả tướng, đều gọi là tính.

Đạo lý là pháp duyên khởi và bốn đạo lý.

Giả lập bày là chỉ giả lập chúng sinh, và chỉ giả lập tướng.

Các pháp hiện quán là sáu thứ hiện quán, như trong phẩm Thành Hiện Quán sẽ nói.

Nơi chốn là sắc uẩn. Vị là thọ uẩn. Phân biệt là tướng uẩn. Tọa tác là hành uẩn, chấp giữ là thức uẩn.

Tăng (thêm): ở đây nên biết, có hai thứ: Là thêm phiền não và thêm nghiệp. Như pháp tăng giảm cũng có hai thứ là: phiền não giảm và nghiệp giảm.

Ám (tối): Tối là vô minh. Nghi lời nói, nghĩa là mười hai phần ngôn ngữ ở các cõi, gọi là ngữ (lời nói).

Đã giác ngộ là các pháp, nghĩa đã nói, gọi là đã giác ngộ.

Thượng là quả Sa-môn. Xa lìa có năm thứ: Một là xa lìa hành vi ác; hai là xa lìa dâm dục; ba là xa lìa các thứ đồ đạc; bốn là xa lìa nơi nhóm họp; năm là xa lìa phiền não.

Chuyển là ba cõi và năm đường.

Chứa giữ: Là luyện tiếc quá khứ, hy vọng vào vị lai và ham mê hiện tại. Chọn lựa là một hành. Thuận với câu trước, câu sau. Sự cú và vô sự cú, sắc pháp, phi sắc pháp, có thấy, không thấy, có đối, không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, có tranh cãi, không tranh cãi, có đắm say vị, không đắm say vị, theo đam mê, theo ra khỏi, thế gian, xuất thế gian, nhiếp thuộc không nhiếp thuộc, trong ngoài, thô mịn, hơn kém, xa gần, có sở duyên, không có sở duyên, tương ứng không tương ứng, có hành động không hành động, có nương không nương, nhân phi nhân, quả phi quả, dị thực, phi dị thực, có nhân không nhân, có quả không quả, có dị thực, không dị thực, có chấp lấy, không chấp lấy. Do bốn đại làm ra, không do bốn đại làm ra, đồng phần và kia đồng phần, có trên không trên, quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, trói buộc ở cõi Dục, trói buộc ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, Hữu học, Vô học, Phi học, phi Vô học, kiến đoạn, vô đoạn, tu đoạn.

Lại có bốn duyên là: Duyên nhân, duyên đẳng vô gián, duyên sở duyên và duyên tăng thượng. Lại có bốn nương là: Một là nương pháp không nương chúng sinh; hai là nương nghĩa không nương văn; ba là nương kinh Liễu nghĩa, không nương kinh không liễu nghĩa và bốn là không nương thức mà nương trí.

Lại có bốn thứ vô lượng bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần

túc, năm căn, năm lực, bảy biến giác chi, tám Thánh đạo chi, bốn chủng hạnh, tứ pháp tích. Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ. Giải thoát, thắng xứ, biến xứ, v.v...

Hiện hành là: Phiền não trói buộc. Thùy miên: Là phiền não thùy miên. Tương thuộc: Là sáu xứ, cùng một chỗ nương lệ thuộc nhau, nên biết. Lại có các pháp là pháp có thể dẫn dắt thâu nhiếp. Các pháp ấy cũng sẽ lần lượt bị lệ thuộc nhau, nên biết.

Lại có các căn, cảnh, năng thủ, sở thủ lệ thuộc nhau, nên biết.

Những lệ thuộc nhau ấy có mười một thứ:

1. Tùy thuộc lẫn nhau.
2. Tùy thuộc cảnh giới.
3. Tùy thuộc tướng mạo.
4. Tùy thuộc chủng loại.
5. Tùy thuộc phần vị.
6. Tùy thuộc do không lia.
7. Tùy thuộc thời gian.
8. Tùy thuộc phương hướng.
9. Tùy thuộc một phần.
10. Tùy thuộc toàn phần.
11. Tùy thuộc nghĩa cao quý.

Tương ứng có năm thứ là:

1. Tương ứng với tính khác, không phải tự tính.
2. Trong tương ứng với tính khác ấy, tương ứng với pháp không trái nhau, không phải pháp trái nhau.
3. Trong tương ứng không trái nhau ấy là tương ứng với phẩm hạ, trung, thượng tương tự, chứ chẳng phải không tương tự.
4. Trong tương ứng với tương tự phẩm hạ, trung, thượng ấy là cùng lúc tương ứng, chứ chẳng phải không cùng lúc.
5. Trong tương ứng cùng lúc ấy, là cùng cõi tương ứng, chứ chẳng phải không cùng cõi tương ứng.

Nói: Là bốn thứ nói: Một là thấy nói; hai là nghe nói; ba là cảm xúc nghe nói; bốn là hiểu biết nghe nói.

Nhậm trì là: Bốn thứ ăn: Một là ăn bằng nắm, vốc; hai là ăn bằng xúc chạm; ba là ăn bằng ý nghĩ; bốn là ăn bằng thức.

Thứ lớp là: Có năm thứ lớp: Một là thứ lớp trôi lăn; hai là thứ lớp xong việc làm; ba là thứ lớp khi nói; bốn là thứ lớp sinh; năm là thứ lớp hiện quán.

Việc đã làm là: Có tám thứ việc đã làm là: Một là dứt trừ chỗ

nương; hai là chuyển chỗ nương; ba là hiểu khắp sở duyên; bốn là vui mừng với sở duyên; năm là chứng quả; sáu là lia đục; bảy là chuyển căn; tám là phát khởi thần thông.

Cảnh là bốn thứ sở duyên: Một là sở duyên khắp nơi; hai là khiến làm sạch sở duyên; ba là sở duyên khéo léo; bốn là khiến làm sạch phiền não ở sở duyên.

Du-già là có bốn hoặc chín thứ. Bốn thứ là: Tín, dục, chánh căn, phương tiện. Chín thứ là:

1. Đạo Thế gian,
2. Đạo Xuất thế gian,
3. Đạo Phương tiện,
4. Đạo Vô gián,
5. Đạo Giải thoát,
6. Đạo Thăng tiến,
7. Đạo Hạ phẩm,
8. Đạo Trung phẩm,
9. Đạo Thượng phẩm.

Xa-ma-tha là chín thứ tâm trụ.

Quán: Là có ba hoặc bốn thứ quán, tưởng, hoặc sáu thứ quán nơi đối tượng duyên khác nhau:

Ba sự quán là: Quán hữu tướng, quán tìm cầu, quán quán xét. Bốn thứ là:

1. Lựa chọn các pháp quán.
2. Lựa chọn pháp thật đơn giản mà quán.
3. So lường khắp mà quán.
4. Xem xét cùng khắp mà quán.

Sáu chỗ khác nhau ở đối tượng duyên của quán là:

1. Quán về ý nghĩa sở duyên.
2. Quán về sự đối tượng.
3. Quán về tướng của sở duyên.
4. Quán về phần của sở duyên.
5. Quán về thời của sở duyên.
6. Quán về đạo lý của sở duyên.

Các thứ tác ý là: Có bảy thứ tác ý:

1. Tác ý Liễu tướng.
2. Tác ý Thăng giải.
3. Tác ý xa lìa.
4. Tác ý thâm nhiếp vui thích.

5. Tác ý quán sát.
6. Tác ý Phương tiện rốt ráo.
7. Tác ý Kết quả của phương tiện rốt ráo.

Giáo thọ là có năm loại:

1. Giáo thọ dạy bảo .
2. Giáo thọ Chứng minh.
3. Giáo thọ Tùy thứ lớp.
4. Giáo thọ Không điên đảo.
5. Giáo thọ Thần biến.

Đức là như trước đã nói tức các pháp công đức của vô lượng giải thoát v.v...

Bồ-đề có ba thứ: Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Độc giác và Bồ-đề chánh đẳng vô thượng.

Thánh giáo là truyền trao tam qui, chế lập học xứ.

Lập bày thính giả: Là lập ra các bộ luận gốc, luận giới, luận sinh về cõi trời. Quả trách về sự ham muốn yêu mến cõi Dục, chỉ ra lỗi của nó. Nói rõ pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, dẫn dắt ra khỏi và khen ngợi công đức, nói rộng về tất cả các phần pháp thanh tịnh.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Nếu muốn tu hành chánh
Công đức biến tri thủy,
Do mười thứ pháp hành,
Và sáu thứ lý thú.*

Luận chép: Như các hạnh là đối với chín việc trước, muốn tu hành chân chính, hiểu biết cùng khắp, dứt hết tạo tác, chứng ngộ các công đức tu tập, v.v... do mười pháp hành và sáu lý thú nên biết tu học. Mười pháp hành như trước đã nêu. Sáu thứ lý thú gồm: Một là lý thú chân nghĩa; hai là lý thú chứng đắc; ba là lý thú dạy bảo đìu dắt; bốn là lý thú xa lìa hai bên; năm là lý thú bất tư nghi; sáu là lý thú ý lạc lý thú.

